

Phụ lục 10

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH
Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Môn học/Nhóm: GDQP – AN – Nhóm N2
CBGD: Lê Văn Trung

Số tín chỉ: 05

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	GHI CHÚ
1	2119240290	Viên Thị Tú	Anh	28/10/2001	Quản trị nhà hàng G	8.0	8.0	8.0	8.6	8.5	8.3	
2	2123170011	Bùi Quốc	Bảo	18/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	6.5	6.5	5.0	7.5	6.4	
3	2123170064	Nguyễn Quốc	Bảo	17/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	6.5	7.0	5.0	8.0	6.6	
4	2123170036	Võ Duy	Bảo	12/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	7.0	5.0	7.5	6.4	
5	2123170046	Nguyễn Công	Bình	19/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	8.0	8.3	8.5	8.2	
6	2123170026	Lê Văn	Chi	25/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.0	6.5	7.0	9.3	8.0	7.9	
7	2123170042	Nguyễn Dương Công	Chương	22/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	6.5	7.0	5.0	7.5	6.5	
8	2123170002	Trần Văn	Chương	27/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	7.0	7.5	9.6	8.0	8.0	
9	2123170028	Đặng Ngô Quốc	Đạt	07/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.0	8.0	8.0	8.3	9.0	8.4	
10	2123170025	Hoàng Tấn	Đức	10/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.0	7.0	7.0	5.0	8.0	6.7	
11	2123170034	Trần Trọng	Đức	08/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	7.0	7.0	5.3	7.5	6.6	
12	2123170657	Tạ Ngọc	Dũng	30/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	7.0	7.0	7.6	8.0	7.5	
13	2123170069	Phan Phương Triều	Dùy	11/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	6.0	5.6	8.0	6.6	
14	2123170644	Đinh Thanh	Hải	12/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	6.5	8.0	7.5	7.2	
15	2123170031	Huỳnh Văn	Hải	08/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.0	7.0	6.0	5.0	8.0	6.6	
16	2123170045	Phạm Minh	Hậu	05/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	7.0	8.0	8.0	7.4	
17	2123170019	Lăng Thanh	Hóa	29/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A							
18	2123170044	Nguyễn Phúc	Hoàng	16/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	7.0	8.0	5.0	8.0	6.8	
19	2123170021	Hoàng Phi	Hùng	12/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.0	7.0	6.0	9.0	8.0	7.7	
20	2121210116	Nguyễn Lê Duy	Hưng	13/06/1998	Công nghệ thực phẩm C	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.1	
21	2121210102	Lương Trần Tiến	Huy	06/11/2002	Công nghệ thực phẩm C	6.5	7.0	7.0	7.6	8.0	7.4	

22	2123170035	Nguyễn	Huy	15/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.0	6.5	7.0	5.0	8.0	6.6	
23	2123170062	Hồ Đăng	Khoa	19/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	7.0	8.6	8.0	7.6	
24	2123170049	Phạm Lê Anh	Khoa	03/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	7.0	7.0	8.3	8.0	7.7	
25	2123170023	Lê Hải	Kiên	14/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.0	7.0	6.0	5.0	7.5	6.4	
26	2123170058	Lê Hải	Linh	18/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	7.0	7.0	5.0	8.0	6.7	
27	2121210041	Lê Phương	Linh	17/11/2003	Công nghệ thực phẩm D	8.0	8.0	7.5	7.6	8.5	8.0	
28	2123170033	Nguyễn Thái Hoàng	Long	25/03/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.0	7.0	7.5	5.0	8.0	6.8	
29	2123170009	Phùng Ngọc	Lượng	15/09/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.0	8.0	8.0	9.6	8.5	8.6	
30	2123170052	Diệp Gia	Minh	26/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	6.5	7.0	8.0	8.0	7.5	
31	2121210097	Trần Văn	Nam	21/07/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.0	6.5	7.0	5.0	8.0	6.6	
32	2123170053	Nguyễn Chí	Ngà	20/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	7.0	9.3	7.5	7.7	
33	2123170037	Lê Trọng	Nghĩa	14/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	
34	2123170055	Bùi Thái	Nguyên	29/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.1	
35	2123170029	Nguyễn Trương Văn	Nhân	03/03/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.0	8.0	8.0	5.6	8.5	7.5	
36	2123170014	Đặng Lê Minh	Nhật	22/06/1997	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	7.0	7.0	5.0	7.5	6.5	
37	2123170013	Phan Nguyễn Hoàng	Như	24/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A							
38	2121210003	Nguyễn Lê Lệ	Nhung	14/08/2003	Công nghệ thực phẩm D	7.5	7.0	7.5	9.3	8.0	8.1	
39	2123170018	Nguyễn Trọng	Phúc	05/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	6.5	6.5	6.0	8.0	6.8	
40	2121210095	Nguyễn Thị Bích	Qui	02/05/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.0	7.5	7.5	7.3	8.0	7.5	
41	2123170016	Nguyễn Kiến	Quốc	13/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	6.5	6.5	5.0	8.0	6.5	
42	2123170068	Nguyễn Đình	Quy	31/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	7.0	5.0	8.0	6.6	
43	2123170012	Sỹ Nhật	Quý	01/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.0	8.0	8.0	5.0	8.5	7.3	
44	2123170051	Ab Dol Ko	Siêm	29/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	7.5	7.3	8.5	7.9	
45	2123170063	Nguyễn Hoàng	Sơn	12/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	6.5	9.0	7.5	7.5	
46	2123170656	Chau Na	Sone	27/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	7.5	8.0	8.5	8.1	
47	2123170040	Nguyễn Đức	Sự	02/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	7.5	8.6	8.5	8.2	
48	2123170017	Tăng Thế	Tài	30/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	6.5	7.0	5.0	7.5	6.4	
49	2123170066	Trần Đức	Tài	02/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	7.0	7.0	8.6	8.0	7.7	
50	2123170050	Đào Minh	Tâm	29/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	7.0	7.5	8.6	8.0	7.8	
51	2121210052	Nguyễn Thị Nhân	Tâm	02/04/2003	Công nghệ thực phẩm D	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	8.1	
52	2121210096	Nguyễn Thị Thu	Tâm	11/01/2003	Công nghệ thực phẩm D	8.0	8.0	8.5	7.6	8.5	8.1	

53	2123170643	Phạm Thanh Thanh	Tâm	20/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	7.0	6.5	9.0	7.5	7.6	
54	2123170065	Phan Quang	Thạch	24/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	8.0	8.3	8.5	7.8	
55	2123170027	Phùng Thanh	Thần	29/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.0	6.0	7.0	6.3	7.0	6.5	
56	2121210053	Nguyễn Ngọc	Thanh	03/07/2003	Công nghệ thực phẩm D	8.0	8.0	7.5	7.0	8.5	7.8	
57	2123170030	Phạm Văn	Thạnh	31/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	6.5	7.0	9.3	7.5	7.7	
58	2123170024	Vương Nguyễn Trường	Thịnh	08/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	6.5	7.0	9.3	7.5	7.7	
59	2123170060	Đinh Vũ Quang	Thuận	18/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	7.0	8.6	7.5	7.5	
60	2123170010	Phạm Hữu	Thuận	02/01/2001	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	7.0	7.0	5.0	8.0	6.6	
61	2123170057	Lương Nhật	Tiến	08/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	6.5	7.0	5.0	8.0	6.6	
62	2123170048	Trần Nguyễn Hoàng	Tiến	22/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	7.5	8.3	8.5	8.2	
63	2123170008	Nguyễn Minh	Toàn	31/07/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	6.5	7.0	8.0	7.5	7.3	
64	2121210107	Nguyễn Trần Tuyết	Trâm	04/09/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.5	7.5	7.5	7.0	8.0	7.5	
65	2123170041	Hồ Hoàng	Trọng	09/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	7.0	7.0	7.3	7.5	7.2	
66	2123170015	Nguyễn Văn	Trường	09/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	6.5	7.0	9.0	7.5	7.6	
67	2123170070	Bùi Văn	Tú	18/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	8.0	9.6	8.5	8.6	
68	2123170032	Bùi Hữu	Tùng	10/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.0	8.0	6.5	8.6	8.5	8.1	
69	2123170056	Hà Sơn	Tường	07/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	8.0	8.0	8.6	8.5	8.3	
70	2123170059	Đinh Vỹ	Văn	26/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	7.0	7.5	5.6	8.0	7.0	
71	2123170038	Bùi Gia	Vĩ	30/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	7.0	8.0	5.0	8.0	6.9	
72	2123170020	Nguyễn Hoài	Việt	17/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	6.5	6.0	8.6	8.0	7.5	
73	2123170061	Đoàn Long	Vũ	02/05/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	7.0	7.0	8.0	8.0	7.5	
74	2121210077	Lê Thị Tường	Vy	22/02/2003	Công nghệ thực phẩm D	7.5	7.5	7.5	5.6	8.0	7.1	
75	2123170043	Nguyễn Thanh	Vỹ	20/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	7.0	7.0	9.6	8.0	8.0	

Ngày 11 tháng 9 năm 2023
Giảng viên



Lê Văn Trung

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: I - Năm học: 2023 - 2024

Môn học/Nhóm: GDQP – AN – Nhóm N2

Số tín chỉ: 05

CBGD : Lê Văn Trung

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	ĐQT	Đ. THI	ĐHP	GHI CHÚ
1	2119240290	Viên Thị Tú	Anh	28/10/2001	Quản trị nhà hàng G	8.3	4.2	5.8	
2	2123170011	Bùi Quốc	Bảo	18/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.4	5.8	6.0	
3	2123170064	Nguyễn Quốc	Bảo	17/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.6	5.0	5.7	
4	2123170036	Võ Duy	Bảo	12/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.4	5.2	5.7	
5	2123170046	Nguyễn Công	Bình	19/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.2	6.4	7.1	
6	2123170026	Lê Văn	Chi	25/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.9	4.2	5.7	
7	2123170042	Nguyễn Dương Công	Chương	22/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.5	5.2	5.7	
8	2123170002	Trần Văn	Chương	27/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.0	6.4	7.1	
9	2123170028	Đặng Ngô Quốc	Đạt	07/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.4	7.0	7.5	
10	2123170025	Hoàng Tấn	Đức	10/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.7	5.2	5.8	
11	2123170034	Trần Trọng	Đức	08/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.6	6.6	6.6	
12	2123170657	Tạ Ngọc	Dũng	30/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.5	6.0	6.6	
13	2123170069	Phan Phương Triều	Dù	11/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.6	5.6	6.0	
14	2123170644	Đinh Thanh	Hải	12/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.2	6.6	6.8	
15	2123170031	Huỳnh Văn	Hải	08/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.6	4.8	5.5	
16	2123170045	Phạm Minh	Hậu	05/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.4	4.4	5.6	
17	2123170019	Lăng Thanh	Hóa	29/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A				
18	2123170044	Nguyễn Phúc	Hoàng	16/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.8	4.6	5.5	
19	2123170021	Hoàng Phi	Hùng	12/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.7	5.2	6.2	
20	2121210116	Nguyễn Lê Duy	Hưng	13/06/1998	Công nghệ thực phẩm C	8.1	7.4	7.7	
21	2121210102	Lương Trần Tiến	Huy	06/11/2002	Công nghệ thực phẩm C	7.4	6.4	6.8	
22	2123170035	Nguyễn	Huy	15/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.6	6.0	6.3	

23	2123170062	Hồ Đăng	Khoa	19/12/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.6	7.4	7.5	
24	2123170049	Phạm Lê Anh	Khoa	03/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.7	5.6	6.4	
25	2123170023	Lê Hải	Kiên	14/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.4	4.0	5.0	
26	2123170058	Lê Hải	Linh	18/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.7	5.0	5.7	
27	2121210041	Lê Phương	Linh	17/11/2003	Công nghệ thực phẩm D	8.0	7.0	7.4	
28	2123170033	Nguyễn Thái Hoàng	Long	25/03/2002	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.8	4.8	5.6	
29	2123170009	Phùng Ngọc	Lượng	15/09/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.6	6.6	7.4	
30	2123170052	Diệp Gia	Minh	26/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.5	4.0	5.4	
31	2121210097	Trần Văn	Nam	21/07/2003	Công nghệ thực phẩm C	6.6	7.4	7.1	
32	2123170053	Nguyễn Chí	Ngà	20/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.7	4.6	5.8	
33	2123170037	Lê Trọng	Nghĩa	14/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.5	3.6	5.1	
34	2123170055	Bùi Thái	Nguyên	29/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.1	6.4	7.1	
35	2123170029	Nguyễn Trương Văn	Nhân	03/03/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.5	6.4	6.8	
36	2123170014	Đặng Lê Minh	Nhật	22/06/1997	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	5.0	5.6	
37	2123170013	Phan Nguyễn Hoàng	Như	24/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A				
38	2121210003	Nguyễn Lê Lệ	Nhung	14/08/2003	Công nghệ thực phẩm D	8.1	7.0	7.4	
39	2123170018	Nguyễn Trọng	Phúc	05/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.8	5.2	5.8	
40	2121210095	Nguyễn Thị Bích	Qui	02/05/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.5	6.6	7.0	
41	2123170016	Nguyễn Kiến	Quốc	13/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	5.8	6.1	
42	2123170068	Nguyễn Đình	Quy	31/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.6	5.8	6.1	
43	2123170012	Sỹ Nhật	Quý	01/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.3	5.2	6.0	
44	2123170051	Ab Dol Ko	Siêm	29/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.9	4.6	5.9	
45	2123170063	Nguyễn Hoàng	Son	12/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.5	5.0	6.0	
46	2123170656	Chau Na	Sone	27/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.1	6.2	6.9	
47	2123170040	Nguyễn Đức	Sự	02/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.2	6.6	7.3	
48	2123170017	Tăng Thế	Tài	30/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.4	6.6	6.5	
49	2123170066	Trần Đức	Tài	02/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.7	6.6	7.1	
50	2123170050	Đào Minh	Tâm	29/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.8	6.8	7.2	
51	2121210052	Nguyễn Thị Nhân	Tâm	02/04/2003	Công nghệ thực phẩm D	8.1	7.2	7.6	
52	2121210096	Nguyễn Thị Thu	Tâm	11/01/2003	Công nghệ thực phẩm D	8.1	7.0	7.4	
53	2123170643	Phạm Thanh Thanh	Tâm	20/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.6	4.0	5.4	

54	2123170065	Phan Quang	Thạch	24/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.8	5.8	6.6	
55	2123170027	Phùng Thanh	Thần	29/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.5	5.6	6.0	
56	2121210053	Nguyễn Ngọc	Thanh	03/07/2003	Công nghệ thực phẩm D	7.8	7.0	7.3	
57	2123170030	Phạm Văn	Thạnh	31/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.7	5.8	6.5	
58	2123170024	Vương Nguyễn Trường	Thịnh	08/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.7	5.0	6.1	
59	2123170060	Đinh Vũ Quang	Thuận	18/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.5	7.0	7.2	
60	2123170010	Phạm Hữu	Thuận	02/01/2001	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	6.6	5.6	6.0	
61	2123170057	Lương Nhật	Tiến	08/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.6	7.4	7.1	
62	2123170048	Trần Nguyễn Hoàng	Tiến	22/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.2	5.8	6.7	
63	2123170008	Nguyễn Minh	Toàn	31/07/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.3	5.0	5.9	
64	2121210107	Nguyễn Trần Tuyết	Trâm	04/09/2003	Công nghệ thực phẩm C	7.5	7.0	7.2	
65	2123170041	Hồ Hoàng	Trọng	09/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.2	5.0	5.9	
66	2123170015	Nguyễn Văn	Trường	09/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.6	6.4	6.9	
67	2123170070	Bùi Văn	Tú	18/01/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.6	5.2	6.6	
68	2123170032	Bùi Hữu	Tùng	10/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	8.1	4.8	6.1	
69	2123170056	Hà Sơn	Tường	07/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.3	7.0	7.5	
70	2123170059	Đinh Vỹ	Văn	26/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.0	5.2	5.9	
71	2123170038	Bùi Gia	Vĩ	30/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	6.9	5.0	5.7	
72	2123170020	Nguyễn Hoài	Việt	17/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô A	7.5	6.4	6.8	
73	2123170061	Đoàn Long	Vũ	02/05/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	7.5	6.0	6.6	
74	2121210077	Lê Thị Tường	Vy	22/02/2003	Công nghệ thực phẩm D	7.1	5.2	6.0	
75	2123170043	Nguyễn Thanh	Vỹ	20/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô B	8.0	5.2	6.3	

Ngày 11 tháng 9 năm 2023

Giảng viên



Lê Văn Trung

